# QUI LUẬT MENDEN – QUI LUẬT PHÂN LI

## MỘT SỐ THUẬT NGỮ, KHÁI NIỆM TRONG NGHIÊN CỨU CỦA MENDEN

| | |
|---|---|
| 1.X | a. Cơ thể đực (giao tử đực) |
| 2.P | b. Thế hệ con thứ nhất |
| 3.G | c. Phép lai |
| 4.♀ | d. Thế hệ con |
| 5.♂ | e. Thế hệ bố mẹ |
| 6.F | g. Thế hệ con thứ hai… |
| 7.F1 | h. Cơ thể cái (giao tử cái) |
| 8.F2 | i. Giao tử |




| | |
|---|---|
| I. Di truyền | A. hiện tượng con sinh ra khác với bố mẹ và khác nhau về nhiều chi tiết. |
| II. Kiểu gen | B. Hoa vàng, mắt đỏ, tóc đen… |
| III. Kiểu gen đồng hợp | C. Hạt xanh >< Hạt vàng, Hoa đỏ >< Hoa trắng… |
| IV. Kiểu hình | D. AA, aa, AABB, AAbb… |
| V. Tính trạng tương phản | E. AA, Aa, aa… |
| VI. Biến dị | G. Aa,AaBb,Bb… |
| VII. Kiểu gen dị hợp | H. hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu. |

**Menđen chọn cây đậu Hà Lan để thí nghiệm vì:**

**+ Đây là loại cây quen thuộc với địa phương**

**+ Đậu Hà Lan có cấu tạo hoa đặc biệt giúp tự thụ phấn nghiêm ngặt → dễ tạo dòng thuần**

**+ Thời gian sinh trưởng ngắn (khoảng 3 tháng)**

**+ Số lượng thu được ở đời con lớn**

**+ Có nhiều tính trạng tương phản**



LIVEWORKSHEETS